TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông **Võ Lương Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Tuấn Anh**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Tâm**

Thư ký phiên toà: Bà **Trương Thị Hà** - Cán bộ Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh: Bà **Đỗ Lê Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 472/2018/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**– sinh năm 1990.

HKTT: Thôn KG, xã ĐC, huyện UH, TP Hà Nội.

Nơi ở: Thôn ĐD, xã DT, huyện ĐA, TP Hà Nội

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1990.

HKTT: Thôn KG, xã ĐC, huyện UH, TP Hà Nội.

Nơi ở: Thôn PT, xã ML, huyện ĐA, TP Hà Nội.

Có mặt anh Đ, vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 14/5/2018 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:** Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2012 tại Ủy ban nhân dân

xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, TP Hà Nội. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, hai vợ chồng thuê nhà sinh sống làm ăn tại thôn ĐD, xã DT, huyện ĐA, TP Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, hay cãi chửi nhau, chị H có quan hệ ngoại tình với người khác dẫn đến vợ chồng không còn niềm tin, sống không hòa hợp. Từ tháng 9 năm 2017 đến nay chị H về nhà bố mẹ đẻ tại thôn PL, xã ML, huyện ĐA, TP Hà Nội sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay không ai có trách nhiệm gì với nhau.

Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được, địa phương chưa hòa giải do vợ chồng anh không yêu cầu.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Vũ Đô Đ1 – sinh ngày 13/7/2012. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, cháu Đ1 chủ yếu sống cùng anh, thỉnh thoảng anh có đưa cháu Đ1 về thôn PT, xã ML để gặp chị H. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh hiện làm nghề tự do thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai đối chất chị H trình bày: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn chị nhất trí với trình bày của anh Đ. Về mâu thuẫn vợ chồng chị xác định vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, xảy ra cãi chửi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay, khi sống ly thân vợ chồng ở riêng, anh Đ cùng con trai là Nguyễn Vũ Đô Đ1 sống tại thông ĐD, xã DT, còn chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn PT, xã ML, huyện ĐA, TP Hà Nội sinh sống. Chị xác định khoảng tháng 9 năm 2017 chị có quen và ngoại tình với người khác nhưng đã chấm dứt, anh Đ xin ly hôn chị vì anh Đ cũng có quan hệ ngoại tình với người khác. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không được, địa phương chưa hòa giải vì anh chị không yêu cầu.

Nay anh Đ xin ly hôn chị không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với anh Đ, chị muốn chuyển về thôn ĐD sống cùng anh Đ nhưng anh Đ không đồng ý nên chị vẫn ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn PT, xã ML.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Vũ Đô Đ1 – sinh ngày 13/7/2012. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, cháu Đ1 chủ yếu sống cùng anh Đ. Nếu ly hôn, chị đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1, việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chúng, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H có ý kiến: Từ tháng 9 năm 2017 chị H về nhà bà ở thôn PT, xã ML, huyện ĐA, TP Hà Nội sinh sống cho đến nay, khi chị H về ở thì ông bà có khuyên vợ chồng chị nên hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng cùng chung sống và nuôi dạy con chung, chị H có về nhà anh Đ 3 ngày nhưng anh Đ không về nhà ngủ nên chị lại về nhà ông bà sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà không biết, chỉ nghe chị H nói anh Đ có quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng không chung sống được với nhau. Nay anh Đ xin ly hôn chị H bà không có ý kiến, hai vợ chồng đã trưởng thành nên tự quyết định.

* Ông Nguyễn Văn H1 là bố đẻ của anh Nguyễn Văn Đ có ý kiến: Ông không sống cùng vợ chồng anh Đ nên không biết cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ. Chỉ biết từ tháng 9 năm 2017 đến nay chị H chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn PT, xã M, huyện ĐA, TP Hà Nội sinh sống, vợ chồng ông có đến nhà thông gia để nói chuyện với mong muốn vợ chồng về chung sống nuôi dạy con chung nhưng thực tế vợ chồng anh Đ sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Nay anh Đ xin ly hôn chị H ông không có ý kiến, hai vợ chồng đã trưởng thành nên tự quyết định.

Về con chung: Anh Đ và chị H có 01 con chung là Nguyễn Vũ Đô Đ1 – sinh ngày 13/7/2012. Anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Đ1 sau khi vợ chồng ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét, quyết định.

Về nợ: Quá trình chung sống, vợ chồng anh Đ có vay của vợ chồng ông 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng). Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ này.

Tại phiên tòa, anh Đ vẫn giữ nguyên các lời khai đã khai trước đây, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên anh kiên quyết xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Nếu ly hôn, anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội thẩm trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối xét xử, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, giao con chung là cháu Đ1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Đông Anh ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 26/10/2018. Quyết định đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/8/2018 chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 12/9/2018. Quyết định hoãn phiên tòa được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/9/2018 có mặt nguyên đơn, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, TP Hà Nội ngày 15/8/2012 nên hôn nhân giữa anh Đ và chị H là hôn nhân hợp pháp. Theo tài liệu xác minh thì chị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn KG, xã ĐC, huyện ƯH, TP Hà Nội; khi vợ chồng sống ly thân thì chị H về nhà bố mẹ đẻ tại thôn PT, xã ML, huyện ĐA, TP Hà Nội sinh sống. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Đ xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, do chị H có quan hệ ngoại tình với người khác nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Từ tháng 9 năm 2017 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn PT, xã ML, huyện ĐA, TP Hà Nội sống, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn. Chị H cũng xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra bất đồng về quan điểm sống, hay cãi chửi nhau và có việc chị có quan hệ ngoại tình với người khác trong khi đang chung sống cùng anh Đ nhưng đến nay đã chấm dứt. Chị không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm với anh Đ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh Đ chị H đã kéo dài, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn PT, xã ML, huyện ĐA, TP Hà Nội sinh sống. Chị H xác định vẫn còn tình cảm với chồng nhưng nhiều lần Tòa án thông báo hợp lệ cho chị H đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị H không đến, cho thấy rằng chị H không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Anh Đ xin ly hôn chị H là có sở sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hồi đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh Đ đối với chị H.

[2.3] Về con chung: Anh, chị có một con chung là Nguyễn Vũ Đô Đ1 – sinh ngày 13/7/2012. Ly hôn, nguyện vọng của anh Đ xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị H có cũng có lời khai trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị đồng ý để anh Đ nuôi cháu Đ1. Xét nguyện vọng nuôi con của anh Đ là chính đáng, anh có nghề nghiệp thu nhập ổn định, thực tế hiện nay anh đang trực tiếp nuôi cháu Đ. Do vậy, nên giao cháu Đ1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H cho đến khi có sự thay đổi. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Đ và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 56, 58 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị H. Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[2] Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Vũ Đô Đ1 – sinh ngày 13/7/2012 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp nuôi con chung cho chị H cho đến khi có sự thay đổi.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh Đ phải chịu cả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001737 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Đông Anh;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Chi cục THS DS huyện Đông Anh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Mai Lâm (Số 57/2012);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Võ Lương Vân